

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ TĨNH
ĐỀ THI CHÍNH THỨC

KỲ THI THỬ TỐT NGHIỆP THPT, LẦN 1
NĂM HỌC 2024 - 2025
MÔN THI: ĐỊA LÍ

(Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề)

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

Câu 1: (ID: 768611) Gió mùa hạ từ áp cao Bắc Ấn Độ Dương hoạt động vào đầu mùa hạ nước ta có hướng

- A. tây nam. B. đông nam. C. đông bắc. D. tây bắc.

Câu 2: (ID: 768612) Quá trình mặn hóa đất đai nước ta diễn ra chủ yếu ở

- A. vùng núi dốc. B. các đồng bằng. C. các làng nghề. D. thành phố lớn.

Câu 3: (ID: 768613) Cơ cấu dân số nước ta hiện nay có đặc điểm là

- A. nhiều thành phần dân tộc. B. tỉ lệ nam nhiều hơn nữ.
C. tăng tỉ lệ nhóm 0 – 14 tuổi. D. tỉ lệ dân nông thôn rất thấp.

Câu 4: (ID: 768614) Tỉ lệ dân thành thị nước ta

- A. không thay đổi. B. luôn biến động. C. giảm liên tục. D. tăng liên tục.

Câu 5: (ID: 768615) Biểu hiện của chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ ở nước ta **không phải** là sự xuất hiện của các

- A. khu công nghiệp tập trung. B. ngành công nghiệp xanh.
C. cực tăng trưởng quốc gia. D. vùng kinh tế trọng điểm.

Câu 6: (ID: 768616) Cây trồng chính trong ngành sản xuất lương thực nước ta là

- A. khoai. B. ngô. C. lúa. D. sắn.

Câu 7: (ID: 768617) Sản lượng than của nước ta khai thác chủ yếu ở

- A. Ninh Bình. B. Hải Phòng. C. Nam Định. D. Quảng Ninh.

Câu 8: (ID: 768618) Tuyến đường bộ nào sau đây của nước ta có hướng Bắc – Nam?

- A. Quốc lộ 1. B. Quốc lộ 3. C. Quốc lộ 8. D. Quốc lộ 24.

Câu 9: (ID: 768619) Phía bắc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ giáp với

- A. Mianma. B. Trung Quốc. C. Campuchia. D. Thái Lan.

Câu 10: (ID: 768620) Sông nào sau đây có trữ năng thủy điện lớn nhất ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Sông Cả. B. Sông Đà. C. Sông Hương. D. Sông Gianh.

Câu 11: (ID: 768621) Loại đất có diện tích lớn nhất ở vùng Đồng bằng sông Hồng là

- A. xám. B. ba-dan. C. phù sa. D. phèn.

Câu 12: (ID: 768622) Đặc điểm nổi bật của dân cư vùng Đồng bằng sông Hồng là

- A. dân cư phân bố thưa thớt. B. chất lượng lao động thấp.

C. nguồn lao động dồi dào.

D. quy mô dân số đang giảm.

Câu 13: (ID: 768623) Ý nghĩa của vị trí địa lí đến kinh tế nước ta là

A. thiên nhiên phân hóa đa dạng giữa các vùng miền.

B. tài nguyên sinh vật và khoáng sản vô cùng giàu có.

C. giao lưu, hợp tác về văn hóa xã hội với các quốc gia.

D. thu hút được nhiều nguồn vốn đầu tư của nước ngoài.

Câu 14: (ID: 768624) Hệ quả của quá trình xâm thực mạnh ở vùng đồi núi đối với sông ngòi nước ta là

A. tốc độ dòng chảy mạnh.

B. mật độ dòng chảy cao.

C. tổng lượng phù sa lớn.

D. lượng nước mùa cạn ít.

Câu 15: (ID: 768625) Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có sự phân hóa đa dạng đã tạo điều kiện cho nước ta

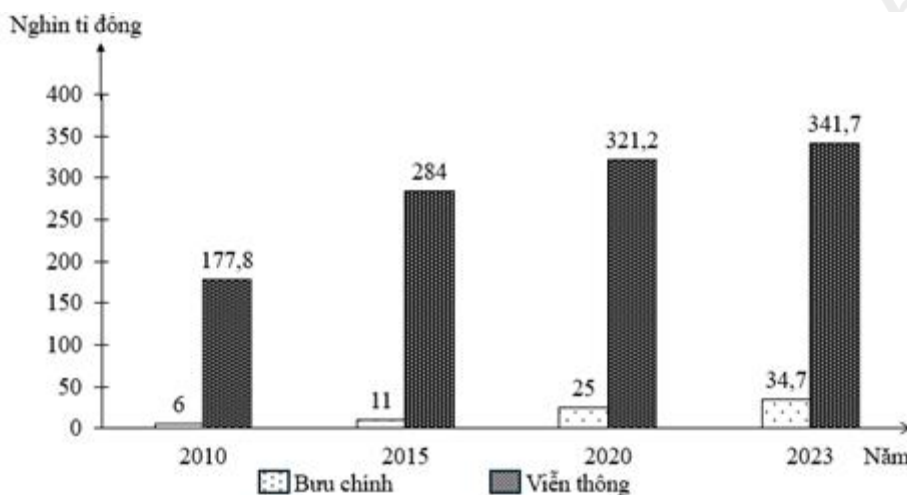
A. phát triển mạnh nền nông nghiệp ôn đới.

B. hình thành các vùng kinh tế trọng điểm.

C. đưa chăn nuôi thành ngành sản xuất chính.

D. đa dạng hóa cơ cấu sản phẩm nông nghiệp.

Câu 16: (ID: 768626) Cho biểu đồ sau:



Biểu đồ doanh thu dịch vụ bưu chính và viễn thông nước ta giai đoạn 2010 - 2023

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, 2023. NXB Thống kê)

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

A. Bưu chính luôn lớn hơn viễn thông.

B. Viễn thông tăng chậm hơn bưu chính.

C. Viễn thông tăng 335,7 nghìn tỉ đồng.

D. Bưu chính giảm, viễn thông biến động.

Câu 17: (ID: 768627) Khí hậu của phần lãnh thổ phía Nam phân hóa hai mùa mưa khô chủ yếu do

A. gió mùa Tây Nam, Tín phong bán cầu Bắc và độ cao địa hình.

B. Tín phong Đông Bắc, dải hội tụ nhiệt đới và áp thấp nhiệt đới.

C. Tín phong bán cầu Bắc với địa hình dãy núi Trường Sơn Nam.

D. gió hướng tây nam, Tín phong bán cầu Bắc và hướng địa hình.

Câu 18: (ID: 743550) Đồng bằng sông Hồng là vùng có tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng vào loại cao nhất cả nước chủ yếu do nguyên nhân nào sau đây?

- A.** Hoạt động xuất khẩu diễn ra mạnh, dân cư đông đúc, vốn đầu tư rất lớn.
- B.** Kinh tế phát triển, chất lượng cuộc sống cao, có nhiều chợ lớn, siêu thị.
- C.** Có mật độ dân số cao, vốn đầu tư rất lớn, nhiều tài nguyên khoáng sản.
- D.** Vốn đầu tư lớn, nhiều tài nguyên khoáng sản, xuất khẩu nhiều hàng hóa.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: (ID: 768921) Cho thông tin sau:

Khí hậu miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có những nét khác biệt so với hai miền lân cận và giữa các khu vực trong miền cũng có sự khác nhau. Sự suy yếu và biến tính các khối khí cực đới khi di chuyển xuống phía nam đã làm tăng tính chất nhiệt đới của miền, biểu hiện rõ rệt khi so sánh nhiệt độ tháng 1. So với miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ thì miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có nhiệt độ trung bình tháng 1 cao hơn từ $4 - 5^{\circ}\text{C}$.

- a)** Nhiệt độ trung bình tháng 1 của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ cao hơn miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ khoảng $4 - 5^{\circ}\text{C}$.
- b)** Mùa đông ở miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ đến muộn và kết thúc sớm hơn so với miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ.
- c)** Vào đầu mùa hạ, miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có gió Phơn hoạt động mạnh chủ yếu do ảnh hưởng của Tín phong bán cầu Nam và địa hình.
- d)** Tính chất nhiệt đới ở miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ tăng dần về phía nam chủ yếu do sự suy yếu của gió mùa Đông Bắc và hoạt động của dải hội tụ nhiệt đới.

Câu 2: (ID: 768922) Cho thông tin:

Việt Nam đã hội nhập quốc tế một cách sâu rộng, tạo ra nền kinh tế mở và tăng kim ngạch xuất khẩu cũng như thu hút đầu tư. Nền kinh tế mở của Việt Nam rất lớn, là một trong 5 nền kinh tế có độ mở lớn nhất trên thị trường. Việt Nam đã có quan hệ kinh tế - thương mại với 230 quốc gia và vùng lãnh thổ, đã tham gia hơn 500 hiệp định song phương và đa phương. Đây là một tín hiệu rất đáng mừng và đặc biệt là tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam hiện ước đạt 800 tỷ USD trong năm 2024.

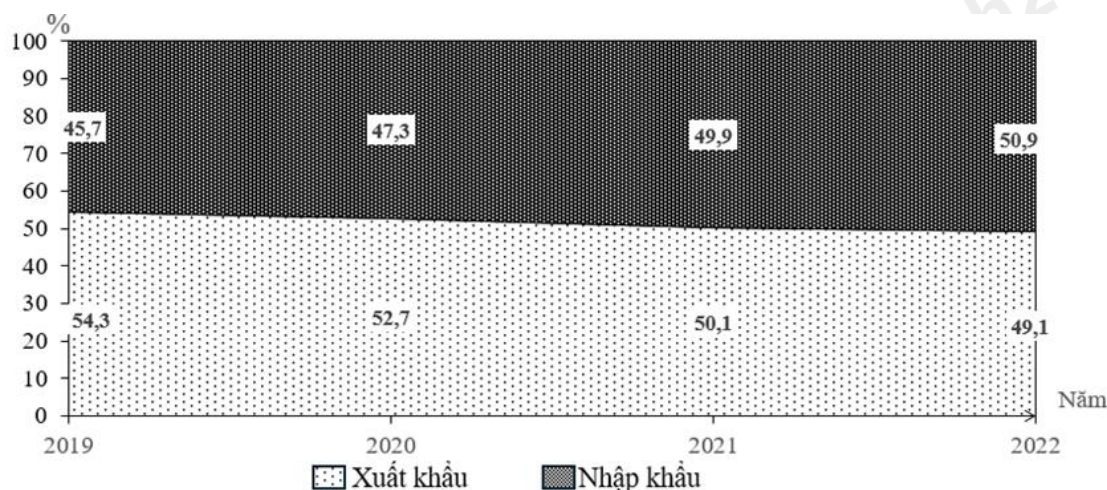
- a)** Việt Nam là nền kinh tế có độ mở lớn nhất thế giới.
- b)** Mở rộng ngoại thương theo hướng đa phương hóa làm tăng rủi ro trong tình hình kinh tế toàn cầu biến động.
- c)** Ngoại thương nước ta phát triển mạnh trong thời gian qua chủ yếu do chính sách mở cửa, hội nhập quốc tế và sự phát triển của nền kinh tế.
- d)** Giải pháp chủ yếu để đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu ở nước ta hiện nay là phát triển sản xuất hàng hóa và mở rộng thị trường.

Câu 3: (ID: 768923) Cho thông tin:

Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là địa bàn chiến lược đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của cả nước; phía Bắc giáp Trung Quốc, phía Tây giáp Lào. Đồng thời, đây cũng là vùng có nhiều tiềm năng, lợi thế cho phát triển bền vững với nhiều loại tài nguyên, khoáng sản quý, hiếm, và diện tích đồi rừng rộng lớn, cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ, tươi đẹp và nhiều di sản văn hóa đặc sắc của đồng bào các dân tộc thiểu số để phát triển du lịch và bảo vệ môi trường sinh thái của cả vùng Bắc Bộ.

- a) Vùng giáp Lào và Campuchia.
- b) Có diện tích chẻ lớn nhất cả nước chủ yếu do có khí hậu, địa hình và đất đai thích hợp.
- c) Ý nghĩa chủ yếu của việc hình thành vùng chuyên canh chẻ là thúc đẩy công nghiệp chế biến, sản xuất hàng hóa và đa dạng hóa nông sản của vùng.
- d) Giải pháp chủ yếu đẩy mạnh phát triển công nghiệp khai thác khoáng sản của vùng là tăng cường vốn đầu tư, hiện đại hóa phương tiện và gắn với công nghiệp chế biến.

Câu 4: (ID: 768924) Cho biểu đồ:



Biểu đồ cơ cấu trị giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của Thái Lan, giai đoạn 2019 – 2022

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023, NXB Thống kê)

- a) Giai đoạn 2019 - 2022, tỉ trọng xuất khẩu luôn lớn hơn tỉ trọng nhập khẩu.
- b) Năm 2022, tỉ trọng nhập khẩu lớn hơn tỉ trọng xuất khẩu 1,8%.
- c) Giai đoạn 2019 - 2022, tỉ trọng xuất khẩu có xu hướng tăng liên tục.
- d) Cán cân thương mại năm 2019 là xuất siêu còn năm 2022 là nhập siêu.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu 1: (ID: 768925) Cho bảng số liệu:

Độ ẩm không khí trung bình các tháng năm 2023 tại trạm quan trắc Sơn La

(Đơn vị: %)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Độ ẩm	75	71	73	70	68	77	79	84	82	81	79	76

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023, NXB Thống kê 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết độ ẩm không khí trung bình năm 2023 tại quan trắc Sơn La là bao nhiêu %? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân)

Câu 2: (ID: 768926) Năm 2022, tổng diện tích đất tự nhiên nước ta là 33134,5 nghìn ha, trong đó đất sản xuất nông nghiệp là 11673,4 nghìn ha. Hãy cho biết tỉ trọng diện tích đất sản xuất nông nghiệp trong tổng diện tích đất tự nhiên nước ta là bao nhiêu %? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân)

Câu 3: (ID: 768927) Năm 2023, tổng số lao động có việc làm của nước ta là 51287 nghìn người, trong đó lao động khu vực nông thôn là 32216,3 nghìn người. Hãy cho biết lao động khu vực nông thôn nước ta cao hơn lao động khu vực thành thị bao nhiêu lần? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân)

Câu 4: (ID: 768928) Năm 2023, sản lượng điện phát ra của nước ta là 268253,3 triệu kwh, số dân là 100309,2 nghìn người. Hãy cho biết sản lượng điện bình quân đầu người của nước ta là bao nhiêu kwh/người? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)

Câu 5: (ID: 768929) Cho bảng số liệu:

Diện tích gieo trồng và sản lượng lúa nước ta năm 2023

Năm	2015	2023
Diện tích (nghìn ha)	7828	7119,3
Sản lượng (nghìn tấn)	45091	43497,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023, NXB Thống kê 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năng suất lúa năm 2023 so với năm 2015 tăng bao nhiêu tạ/ha? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân)

Câu 28: (ID: 768930) Cho bảng số liệu:

Tổng số dân và tỉ lệ dân số thành thị của Đồng bằng sông Hồng năm 2019 và năm 2023

Năm	2019	2023
Tổng số dân (nghìn người)	22620,2	23732,4
Tỉ lệ dân thành thị (%)	35,9	38,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023, NXB Thống kê 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu, hãy cho biết số dân thành thị của Đồng bằng sông Hồng năm 2023 so với năm 2019 tăng thêm bao nhiêu nghìn người? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)

----- HẾT -----

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN TUYENSINH247.COM

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

1.A	2.B	3.A	4.D	5.B	6.C	7.D	8.A	9.B	10.B
11.C	12.C	13.D	14.C	15.D	16.B	17.D	18.B		

Câu 1 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa (phần gió mùa).

Cách giải:

Gió mùa hạ từ áp cao Bắc Ấn Độ Dương hoạt động vào đầu mùa hạ nước ta có hướng tây nam.

Chọn A.

Câu 2 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào Chuyên đề Địa lí 12: Thiên tai và các biện pháp phòng chống.

Cách giải:

Quá trình mặn hóa đất đai nước ta diễn ra chủ yếu ở các đồng bằng.

Chọn B.

Câu 3 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm dân số nước ta (phần cơ cấu dân số).

Cách giải:

Cơ cấu dân số nước ta hiện nay có đặc điểm là nhiều thành phần dân tộc.

B sai vì nước ta có tỉ lệ nam (49,84%) thấp hơn tỉ lệ nữ (50,16%).

C sai vì nhóm 0 – 14 tuổi nước ta hiện nay đang có tỉ trọng giảm.

D sai vì tỉ lệ dân nông thôn ở nước ta năm 2021 là 62,9% trong tổng số dân; cao hơn tỉ lệ dân thành thị.

Chọn A.

Câu 4 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm dân số nước ta (phần phân bố dân cư).

Cách giải:

Tỉ lệ dân thành thị nước ta tăng liên tục.

Chọn D.

Câu 5 (NB):

Phương pháp:

Chú ý từ khóa: lãnh thổ.

Dựa vào đặc điểm chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ.

Cách giải:

Biểu hiện của chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ ở nước ta không phải là sự xuất hiện của các ngành công nghiệp xanh. Đây là biểu hiện của sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành.

Chọn B.

Câu 6 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào hiện trạng phát triển và phân bố ngành nông nghiệp (phần ngành trồng trọt).

Cách giải:

Cây trồng chính trong ngành sản xuất lương thực nước ta là lúa (chiếm 88,9% diện tích gieo trồng cây lương thực có hạt).

Chọn C.

Câu 7 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm ngành công nghiệp khai thác than.

Cách giải:

Sản lượng than của nước ta khai thác chủ yếu ở Quảng Ninh.

Chọn D.

Câu 8 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm ngành giao thông vận tải đường bộ.

Cách giải:

Tuyến đường bộ nào sau đây của nước ta có hướng Bắc – Nam là quốc lộ 1. Quốc lộ 1 được coi là tuyến đường huyết mạch của nước ta, chạy từ Lạng Sơn đến Cà Mau.

Chọn A.

Câu 9 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào vị trí địa lí vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Cách giải:

Phía bắc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ giáp với Trung Quốc.

A, D sai vì phần đất liền của nước ta không tiếp giáp với Mianma và Thái Lan.

C sai vì Trung du và miền núi Bắc Bộ không giáp Campuchia.

Chọn B.

Câu 10 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào thế mạnh về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đối với kinh tế - xã hội vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Cách giải:

Sông Đà có trữ năng thủy điện lớn nhất ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Chọn B.

Câu 11 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào thế mạnh về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đối với kinh tế - xã hội vùng Đồng bằng sông Hồng.

Cách giải:

Loại đất có diện tích lớn nhất ở vùng Đồng bằng sông Hồng là phù sa.

Chọn C.

Câu 12 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm dân cư vùng Đồng bằng sông Hồng.

Cách giải:

Đặc điểm nổi bật của dân cư vùng đồng bằng sông Hồng là nguồn lao động dồi dào.

A, B, D sai vì Đồng bằng sông Hồng là vùng có mật độ dân số cao nhất cả nước, là một trong hai vùng có chất lượng lao động cao nhất cả nước, quy mô dân số lớn.

Chọn C.

Câu 13 (TH):

Phương pháp:

Gạch chân từ khóa: vị trí địa lí, kinh tế.

Dựa vào ý nghĩa của vị trí địa lí nước ta.

Cách giải:

Ý nghĩa của vị trí địa lí đến kinh tế nước ta là thu hút được nhiều nguồn vốn đầu tư của nước ngoài.

A sai vì thiên nhiên phân hóa đa dạng giữa các vùng miền là do khí hậu có sự phân hóa đa dạng giữa các vùng miền.

B sai vì tài nguyên sinh vật giàu có là do nước ta nằm trên đường di lưu, di cư của các luồng sinh vật; tài nguyên khoáng sản giàu có là do nước ta nằm gần vành đai sinh khoáng Thái Bình Dương.

C sai vì giao lưu, hợp tác về văn hóa xã hội với các quốc gia là ý nghĩa về mặt văn hóa, xã hội; không phải ý nghĩa về mặt kinh tế.

Chọn D.

Câu 14 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa (phân sông ngòi).

Cách giải:

Hệ quả của quá trình xâm thực mạnh ở vùng đồi núi đối với sông ngòi nước ta là tổng lượng phù sa lớn.

- Xâm thực mạnh ở vùng đồi núi:

+ Quá trình xâm thực là sự bóc mòn, phá hủy bề mặt đất đá bởi các tác nhân tự nhiên như nước chảy, gió, băng hà,...

+ Ở vùng đồi núi, địa hình dốc, mưa lớn, rừng bị tàn phá,... làm tăng cường quá trình xâm thực.

- Hệ quả đối với sông ngòi:

+ Khi xâm thực mạnh, lượng đất đá bị bóc mòn lớn, trôi theo dòng nước vào sông ngòi, làm tăng tổng lượng phù sa.

+ Phù sa này được bồi đắp ở hạ lưu, tạo nên các đồng bằng châu thổ màu mỡ.

Chọn C.

Câu 15 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa đến nông nghiệp nước ta.

Cách giải:

Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có sự phân hóa đa dạng đã tạo điều kiện cho nước ta đa dạng hóa cơ cấu sản phẩm nông nghiệp. Nước ta có sự phân hóa khí hậu theo không gian (Bắc - Nam, Đông - Tây, độ cao) và theo thời gian (mùa). Điều này tạo ra sự đa dạng về điều kiện tự nhiên, cho phép phát triển nhiều loại cây trồng, vật nuôi khác nhau.

Khí hậu đa dạng cho phép trồng các loại cây nhiệt đới, cận nhiệt đới và ôn đới.

Ví dụ: Miền Bắc trồng cây ôn đới, cận nhiệt đới, nhiệt đới; miền Nam trồng cây nhiệt đới; vùng núi cao trồng cây cận nhiệt đới, ôn đới.

Điều này tạo ra sự đa dạng về sản phẩm nông nghiệp, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

Chọn D.

Câu 16 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào doanh thu dịch vụ bưu chính và viễn thông nước ta giai đoạn 2010 – 2023 và nhận xét về sự thay đổi.

Chú ý: tăng nhanh/chậm dùng phép tính chia.

Cách giải:

Viễn thông tăng chậm hơn bưu chính là nhận xét đúng vì viễn thông tăng: $341,7/177,8 = 1,92$ lần; $34,7/6 = 5,78$ lần.

A sai vì doanh thu viễn thông luôn cao hơn bưu chính.

C sai vì doanh thu viễn thông tăng $341,7 - 177,8 = 163,9$ nghìn tỉ đồng.

D sai vì doanh thu viễn thông và bưu chính liên tục tăng.

Chọn B.

Câu 17 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm của các loại gió (phần gió mùa - biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa) và đặc điểm khí hậu của phần lãnh thổ phía Nam.

Cách giải:

Khí hậu của phần lãnh thổ phía Nam phân hóa hai mùa mưa khô chủ yếu do gió hướng tây nam, Tín phong bán cầu Bắc và hướng địa hình.

- Gió hướng tây nam: gây ra hiệu ứng phơn, khô nóng cho vùng ven biển Trung Bộ.

- Tín phong bán cầu Bắc:

+ Từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau: Tín phong bán cầu Bắc chiếm ưu thế tuyệt đối, hoạt động mạnh và ổn định, tạo ra một mùa khô sâu sắc cho miền Nam với nền nhiệt độ cao, mưa ít, bốc hơi mạnh.

+ Từ tháng 5 đến tháng 10:

- Đầu mùa hạ, Tín phong bán cầu Bắc thổi hướng đông bắc gặp gió tây nam từ vịnh Ben-gan tới (TBG) tạo thành dải hội tụ chạy theo hướng kinh tuyến, gây mưa đầu mùa cho cả nước, gây mưa lớn cho Nam Bộ và Tây Nguyên.

- Giữa và cuối mùa, Tín phong bán cầu Bắc gặp gió mùa Tây Nam (gió tây nam thổi vượt Xích đạo từ áp cao cận chí tuyến bán cầu Nam) tạo thành dải hội tụ nhiệt đới theo hướng vĩ tuyến, vắt ngang qua lãnh thổ nước ta, gây mưa lớn.

- Hướng địa hình: Hướng các dãy núi, cao nguyên có thể tạo ra hiệu ứng chắn gió/đón gió, gây ra sự khác biệt về lượng mưa giữa các khu vực.

Chọn D.

Câu 18 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào lý thuyết đặc điểm hoạt động nội thương và ngành thương mại vùng Đồng bằng sông Hồng (Địa lí các vùng kinh tế).

Cách giải:

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng thể hiện sự phát triển của hoạt động nội thương. Đồng bằng sông Hồng là vùng có tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng vào loại cao nhất cả nước chủ yếu do nhu cầu ngày càng lớn của người dân/thị trường, sản xuất phát triển giúp cung cấp đa dạng hàng hóa.

- Đáp án A sai vì hoạt động của xuất khẩu không phải là nguyên nhân. Xuất khẩu thuộc hoạt động ngoại thương.

- Đáp án C, D sai vì nhiều tài nguyên khoáng sản không phải nguyên nhân.

Chọn B.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu	1	2	3	4
Đáp án	ĐĐSS	SSĐĐ	SĐSĐ	SĐSĐ

Câu 1 (VD):

Phương pháp:

a, b) Dựa vào đoạn thông tin và đặc điểm khí hậu miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.

c) Dựa vào nguyên nhân gây hiệu ứng phơn ở ven biển Trung Bộ.

d) Dựa vào các nguyên nhân khiến nhiệt độ tăng dần về phía nam.

Cách giải:

a) Đúng. Đoạn thông tin có đề cập: “So với miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ thì miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có nhiệt độ trung bình tháng 1 cao hơn từ 4 – 5⁰C.”

b) Đúng, do vị trí và địa hình, sự suy yếu của gió mùa Đông Bắc làm cho mùa đông ở miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ đến muộn và kết thúc sớm hơn.

c) Sai, Tín phong bán cầu Nam hoạt động vào giữa và cuối mùa hạ. Vào đầu mùa hạ, miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có gió Phơn hoạt động mạnh chủ yếu do gió tây nam thổi từ Bắc Ấn Độ Dương và địa hình.

d) Sai, dải hội tụ nhiệt đới ảnh hưởng đến lượng mưa, không ảnh hưởng đến tính chất nhiệt đới.

Câu 2 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đoạn thông tin và đặc điểm ngành ngoại thương nước ta.

Cách giải:

a) Sai. Đoạn thông tin có đề cập: “Nền kinh tế mở của Việt Nam rất lớn, là một trong 5 nền kinh tế có độ mở lớn nhất trên thị trường.”

b) Sai. Mở rộng ngoại thương theo hướng đa phương hóa làm giảm rủi ro trong tình hình kinh tế toàn cầu biến động.

c) Đúng. Chính sách mở cửa, hội nhập quốc tế và sự phát triển của nền kinh tế là những yếu tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển của ngoại thương Việt Nam.

d) Đúng. Để đẩy mạnh xuất khẩu, cần nâng cao chất lượng và số lượng hàng hóa sản xuất, đồng thời mở rộng thị trường tiêu thụ.

Câu 3 (VD):

Phương pháp:

a) Dựa vào đoạn thông tin.

b) Dựa vào đặc điểm sinh thái cây chè và đặc điểm tự nhiên của Trung du và miền núi Bắc Bộ.

c) Dựa vào ý nghĩa chủ yếu của việc hình thành vùng chuyên canh chè.

d) Dựa vào đặc điểm ngành công nghiệp khai thác khoáng sản và liên hệ giải pháp chủ yếu đẩy mạnh phát triển công nghiệp khai thác khoáng sản của Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Cách giải:

a) Sai, đoạn thông tin có đề cập “phía Bắc giáp Trung Quốc, phía Tây giáp Lào”.

b) Đúng. Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có khí hậu cận nhiệt đới, địa hình đồi núi và đất feralit thích hợp cho việc trồng chè.

c) Sai, đa dạng hóa nông sản không phải là ý nghĩa chủ yếu của việc hình thành vùng chuyên canh chè.

d) Đúng. Việc tăng cường vốn đầu tư, hiện đại hóa phương tiện và gắn với công nghiệp chế biến sẽ giúp nâng cao hiệu quả khai thác khoáng sản và tạo ra giá trị gia tăng cho sản phẩm.

Câu 4 (VD):

Phương pháp:

a, c) Dựa vào biểu đồ.

b) Lấy tỉ trọng nhập khẩu năm 2022 trừ tỉ trọng xuất khẩu năm 2022.

d) Cán cân thương mại = Giá trị xuất khẩu – Giá trị nhập khẩu.

Cán cân thương mại $> 0 \Rightarrow$ Xuất siêu.

Cán cân thương mại $< 0 \Rightarrow$ Nhập siêu.

Cách giải:

a) Sai vì năm 2022, tỉ trọng nhập khẩu lớn hơn xuất khẩu.

b) Đúng. Năm 2022, tỉ trọng nhập khẩu lớn hơn tỉ trọng xuất khẩu là: $50,9 - 49,1 = 1,8 \%$.

c) Sai. Giai đoạn 2019 - 2022, tỉ trọng xuất khẩu giảm liên tục.

d) Đúng vì:

- Năm 2019: giá trị xuất khẩu $>$ giá trị nhập khẩu $\Rightarrow$ Xuất siêu.

- Năm 2022: giá trị nhập khẩu $>$ giá trị xuất khẩu $\Rightarrow$ Nhập siêu.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	76,3	35,2	1,7	2674	3,5	1111

Câu 1 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào công thức:

Độ ẩm không khí trung bình = Tổng độ ẩm không khí 12 tháng/12

Cách giải:

Độ ẩm không khí trung bình năm 2023 tại quan trắc Sơn La là:

$$(75 + 71 + 73 + \dots + 76)/12 = 76,3\%$$

Đáp án: 76,3

Câu 2 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức:

$$\text{Tỉ trọng} = (\text{Giá trị thành phần}/\text{Tổng giá trị}) \cdot 100$$

Cách giải:

Tỉ trọng diện tích đất sản xuất nông nghiệp trong tổng diện tích đất tự nhiên nước ta là:

$$(11673,4/33134,5) \cdot 100 = 35,2\%$$

Đáp án: 35,2

Câu 3 (TH):

Phương pháp:

- Tính lao động khu vực thành thị:

$$\text{Số lao động khu vực thành thị} = \text{Tổng lao động} - \text{Số lao động khu vực nông thôn}$$

- Sau đó, Số lao động khu vực nông thôn / Số lao động khu vực thành thị

Cách giải:

$$\text{Số lao động khu vực thành thị là: } 51287 - 32216,3 = 19070,7 \text{ nghìn người}$$

Lao động khu vực nông thôn nước ta cao hơn lao động khu vực thành thị:

$$32216,3/19070,7 = 1,7 \text{ lần}$$

Đáp án: 1,7

Câu 4 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức:

$$\text{Sản lượng điện bình quân đầu người} = \text{Sản lượng điện phát ra}/\text{Số dân}$$

Lưu ý đổi đơn vị.

Cách giải:

Đổi 268253,3 triệu kwh = 268253300 nghìn kwh

Sản lượng điện bình quân đầu người của nước ta là:

$$268253300/100309,2 = 2674 \text{ kwh/người}$$

Đáp án: 2674

Câu 5 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức:

Năng suất = Sản lượng/Diện tích

Lưu ý đổi đơn vị

Cách giải:

Năng suất lúa năm 2023 so với năm 2015 tăng:

$$(43497,7/7119,3) - (45091/7828) = 0,35 \text{ tấn/ha} = 3,5 \text{ tạ/ha}$$

Đáp án: 3,5

Câu 6 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức:

Giá trị thành phần = (Tỉ lệ giá trị thành phần * Tổng giá trị)/100

=> Số dân thành thị = (Tỉ lệ dân thành thị * Tổng số dân)/100

Cách giải:

Số dân thành thị của Đồng bằng sông Hồng năm 2023 so với năm 2019 tăng thêm:

$$[(38,9 * 23732,4)/100] - [(35,9 * 22620,2)/100] = 1111 \text{ nghìn người}$$

Đáp án: 1111